

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP CỦA HỘ DÂN TỘC KHMER TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

Ngô Thanh Vũ¹, Quan Minh Nhựt²

¹*Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang*

²*Khoa Kinh Tế, Trường Đại học Cần Thơ*

*Tác giả liên hệ: qmnhut@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 21.02.2022

Ngày chấp nhận đăng: 15.08.2022

TÓM TẮT

Nghiên cứu với mục tiêu tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer nhằm đề xuất giải pháp giúp nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho người Khmer tại tỉnh Kiên Giang. Phương pháp thống kê mô tả và phân tích hồi quy bình phương bé nhất được sử dụng nhằm xác định các yếu tố và ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, thu được kết quả như sau: Có ba yếu tố ảnh hưởng cùng chiều đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là học vấn, diện tích đất canh tác và phương tiện sản xuất. Chính vì vậy để tăng thu nhập cần thực hiện các giải pháp như tăng nguồn lực về trình độ cho hộ Khmer, tạo nhiều hoạt động tăng thu nhập, hỗ trợ cung cấp phương tiện sản xuất. Ngoài ra, có một yếu tố tác động ngược chiều đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer là thiên tai và dịch bệnh chính vì vậy, cần có giải pháp giảm thiểu tác động của thiên tai đến nông nghiệp. Ngoài ra, có một yếu tố tác động ngược chiều đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer là thiên tai và dịch bệnh chính vì vậy, cần có giải pháp giảm thiểu tác động của thiên tai đến nông nghiệp.

Từ khóa: Thu nhập, nông hộ, dân tộc Khmer, tỉnh Kiên Giang.

Factors Influencing the Income of Khmer Minorities in Kiên Giang Province

ABSTRACT

The study seeks to identify the factors influencing Khmer household income in order to propose solutions to help increase income and improve the living conditions of Khmer people in Kiên Giang province. The study used descriptive statistics and least squares regression analysis to determine the factors affecting the income of Khmer ethnic households in Kiên Giang province. There were three factors that positively affected the income of Khmer households in Kiên Giang province, namely education, arable land, and means of production. Therefore, in order to increase income, solutions such as increasing qualified resources for Khmer households, developing diverse income-generating activities, and providing support for production means must be implemented. In addition, natural disasters and epidemics also exerted a negative impact on the income of Khmer households. Thus solutions to minimize the impact of natural disasters on agriculture are necessary.

Keywords: Income, Khmer households, Kiên Giang province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là khu vực có nhiều dân tộc khác nhau như: Kinh, Hoa, Chăm, Khmer cùng chung sống. Trong đó, phải kể đến là dân tộc Chăm và dân tộc Khmer, đây là hai dân tộc có rất nhiều những đặc điểm nhân chủng riêng, có ngôn ngữ riêng, chữ viết riêng, có bản sắc văn hoá riêng và việc

chọn sinh kế cũng rất phong phú, đa dạng. Do những điều kiện khách quan lẫn chủ quan nên đời sống kinh tế xã hội của người Chăm và người Khmer thường không ổn định (Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trịnh, 2011). Riêng dân tộc Khmer ở ĐBSCL có 1,1 triệu người, chiếm tỉ lệ 6,93% tổng dân số toàn vùng. Kiên Giang là một trong 3 tỉnh khu vực ĐBSCL có đồng bào dân tộc Khmer nhất (sau tỉnh Sóc

Trăng và Trà Vinh) có 56.782 hộ với 242.602 nhân khẩu, chiếm 13,4% dân số của tỉnh (Tổng cục Thống kê tỉnh Kiên Giang, 2020). Sinh kế của người Khmer ở tỉnh Kiên Giang chủ yếu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Trong những năm qua, tỉnh Kiên Giang đã tập trung đầu tư và thực hiện các chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là dân tộc Khmer nhằm ổn định và nâng cao thu nhập đối với dân tộc này (UBND tỉnh Kiên Giang, 2019; Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trịnh, 2011; Nguyễn Thùy Trang & cs., 2013).

Qua thực tế đã cho thấy, việc lựa chọn những hoạt động sản xuất tạo sinh kế của đồng bào dân tộc Khmer chịu ảnh hưởng rất lớn từ các yếu tố như: điều kiện tự nhiên, xã hội, con người, đất đai, vật chất, cơ sở hạ tầng (Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trịnh, 2011; Nguyễn Thùy Trang & cs., 2013; Yang, 2004; Yu & Zhu, 2013). Trong bối cảnh và xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Kiên Giang phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc tiếp cận và lựa chọn hoạt động tạo thu nhập bền vững. Vì vậy, việc nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer nhằm đề xuất giải pháp giúp nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho người Khmer tại tỉnh Kiên Giang là hết sức cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp 120 hộ dân tộc Khmer trên địa bàn 3 huyện/thành phố của tỉnh Kiên Giang (huyện Châu Thành, huyện Gò Quao và thành phố Rạch Giá). Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo tiêu chí số lượng nông hộ dân tộc Khmer của Kiên Giang chọn ra ba huyện và dựa vào danh sách được cung cấp chọn mẫu có hệ thống. Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp nông hộ với bảng câu hỏi cấu trúc. Sau khi thu thập xử lý số liệu còn lại 83 quan sát đạt điều kiện đưa vào phân tích.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Theo các nghiên cứu của các tác giả (Abdulai & CroleRees, 2001; Ellis, 2000; Huỳnh Trường Huy & Lê Tấn Nghiêm, 2008; Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam, 2011; Lâm Văn Siêng, 2021; Nguyễn Quốc Nghi & cs., 2011; Trần Văn Kham & Nguyễn Văn Chiêu, 2016; Yang, 2004; Yu & Zhu, 2013), thu nhập của nông hộ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm: Thời gian sống tại địa phương; học vấn; số người trong hộ; vay vốn; diện tích đất canh tác; tham gia đoàn thể; thiên tai dịch bệnh, phương tiện sản xuất và vị trí xã hội.

Thời gian sống ở địa phương cũng có ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ. Nông hộ sống lâu năm ở địa phương thường được người thân cũng như các tổ chức xã hội giúp đỡ về vốn và kinh nghiệm sản xuất khi cần thiết nhờ các mối quan hệ cộng đồng. Bên cạnh đó, các hộ này cũng có điều kiện sinh sống, sản xuất và tích lũy tốt hơn bởi “an cư thì lạc nghiệp” (Nguyễn Lan Duyên, 2014).

Học vấn đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển của một cá nhân hay gia đình. Học vấn quyết định lợi thế của mỗi người trong việc tạo ra thu nhập bởi học vấn cao sẽ dễ tiếp thu, áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất và sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác (Abdulai & CroleRees, 2001; Ellis, 1998; 2000; Yang, 2004; Yu & Zhu, 2013). Bên cạnh đó, học vấn cũng giúp tăng cường khả năng nắm bắt và xử lý thông tin thị trường để tạo ra cơ hội tham gia các hoạt động phi nông nghiệp, qua đó làm tăng thu nhập.

Số người trong hộ là yếu tố đầu vào quan trọng của sản xuất nông nghiệp, không chỉ số lượng mà còn cả chất lượng. Trong điều kiện sản xuất ít được cơ giới hóa, số lượng lao động sẽ là yếu tố cơ bản giúp làm tăng thu nhập cho nông hộ (Manjunatha & cs., 2013; Trần Tiến Khai & Nguyễn Ngọc Danh, 2020). Tuy nhiên, do tính thời vụ và trình độ của người lao động còn hạn chế, khó tham gia các hoạt động phi nông nghiệp nên tình trạng lao động nhàn rỗi ở nông thôn còn khá phổ biến. Do đó, nông hộ có thể có nhiều lao động nhưng thu nhập không cao bởi một số lao động không trực tiếp làm ra thu nhập.

Hiện nay thu nhập của nông hộ nước ta còn thấp nên không đủ tích lũy để tái đầu tư, các nguồn vốn tài trợ từ ngân sách rất hạn chế bởi phải san sẻ cho các khu vực ưu tiên, trong khi nguồn vốn bán chính thức và phi chính thức lại nhỏ lẻ nên ít được sử dụng cho sản xuất. Do đó, tín dụng chính thức trở nên hết sức quan trọng đối với các nông hộ (Lê Khương Ninh, 2011).

Phần lớn thu nhập của nông hộ phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp, mà sản xuất nông nghiệp ở nước ta chủ yếu là thủ công và dựa vào đất nên quy mô đất đai sẽ quyết định thu nhập. Việc không có hoặc có ít đất sản xuất làm hạn chế khả năng cải thiện thu nhập, bởi diện tích nhỏ hẹp thì sẽ khó áp dụng kỹ thuật canh tác hiện đại, do đó sản phẩm có chất lượng thấp, không đồng đều nên giá trị thấp nhưng giá thành lại cao (Huỳnh Trường Huy & Lê Tấn Nghiêm, 2008; Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam, 2011; Yu & Zhu, 2013).

Tham gia đoàn thể là yếu tố giúp nông hộ tăng mối quan hệ với cộng đồng, tăng kiến thức về sản xuất nông nghiệp cũng như tăng thu nhập của nông hộ lên. Khi tham gia đoàn thể nông hộ có cơ hội tập huấn kỹ thuật tiên tiến tiếp cận được với các chương trình hỗ trợ nông dân từ đó dẫn đến thu nhập tăng lên (Hoàng Thị Hồng Quế & Trần Nam Thắng, 2020; Manjunatha & cs., 2013; Nguyễn Quốc Nghi & cs., 2011).

Thiên tai và dịch bệnh là những yếu tố ngẫu nhiên điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng,... có ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp mà nông dân không thể kiểm soát được. Nông hộ không thể chủ động ứng phó với những thiên tai xảy ra bất thường từ đó dẫn đến thu nhập của nông hộ giảm (Đinh Phi Hổ & Hoàng Thị Thu Huyền, 2021; Lâm Văn Siêng, 2021; Yu & Zhu, 2013).

Phương tiện sản xuất là yếu tố đầu vào không thể thiếu bởi nông hộ cần có máy móc chủ động tính thời vụ và giảm thiểu rủi ro, qua đó làm tăng thu nhập. Ngoài ra, phương tiện sản xuất còn giúp nông hộ đầu tư phát triển kỹ thuật mới đa dạng hóa loại hình sản xuất để tránh phải bán sản phẩm với giá thấp (Manjunatha & cs., 2013; Nguyễn Quốc Nghi &

Bùi Văn Trinh, 2011; Trần Văn Kham & Nguyễn Văn Chiêu, 2016).

Đặc tính của nông sản mau hỏng, khó bảo quản và thu hoạch đại trà (thời vụ) nên nông hộ thường bán sản phẩm với giá rẻ cho thương lái ngay sau khi thu hoạch. Điều này cho thấy, các nông hộ sống gần đô thị (thị tứ, thị trấn, thị xã hay thành phố) sẽ có điều kiện bán sản phẩm trực tiếp đến tay người tiêu dùng với giá cao hơn, chi phí chuyên chở thấp hơn và sản phẩm ít hư hỏng hơn nên thu nhập sẽ cao hơn (Abdulai & CroleRees, 2001; Nguyễn Lan Duyên, 2014; Yang, 2004).

Trên cơ sở lý thuyết, bài viết xây dựng mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_i X_i \quad (1)$$

Trong mô hình (1), Y là Ln (Tổng thu nhập trung bình của người Khmer trên 1 năm (triệu đồng/năm)). Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu của các hệ số ước lượng trong mô hình (1) được trình bày trong bảng 1.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm nông hộ dân tộc Khmer tại tỉnh Kiên Giang

3.1.1. Đặc điểm về kinh tế xã hội

Theo quan sát tại 83 nông hộ dân tộc Khmer ở tỉnh Kiên Giang có tỉ lệ trung bình chủ hộ là nam là 81,9% và tỉ lệ còn lại là nữ. Thời gian sống tại địa phương trung bình của chủ hộ là 53 năm, trong đó thấp nhất là 22 năm và lớn nhất là 85 năm. Trình độ học vấn của chủ hộ dân tộc Khmer trên địa bàn nghiên cứu thấp trung bình là lớp 7, trong đó có hộ không đi học nhưng cũng có hộ có trình độ đại học. Số thành viên trong gia đình của dân tộc Khmer trung bình là 4 người, trong đó hộ có số thành viên trong gia đình cao tới 9 người và ít nhất là 2 người. Điều này phù hợp với mặt bằng chung về thông tin xã hội của dân tộc Khmer tại tỉnh Kiên Giang cũng như các tỉnh ĐBSCL (Tổng cục Thống kê, 2020; Huỳnh Trường Huy & Lê Tấn Nghiêm, 2008; Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trinh, 2011).

Bảng 1. Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu của các hệ số ước lượng

Tên biến	Diễn giải	Đơn vị đo lường	Kỳ vọng về dấu của các hệ số ước lượng
Biến phụ thuộc			
Y	Ln (Tổng thu nhập trung bình của người Khmer trên 1 năm)	Triệu đồng	
Biến độc lập			
X1	Thời gian sống tại địa phương: số năm sống tại địa phương	Năm	+
X2	Học vấn; số năm đi học	Năm	+
X3	Số người trong hộ: số người trong cùng hộ khẩu	Người	+
X4	Vay vốn: khả năng tiếp cận vay vốn của nông hộ	1 = có; 0 = không	+
X5	Diện tích đất canh tác: tổng diện tích đất nhà và đất thuê canh tác nông nghiệp	m ²	+
X6	Tham gia đoàn thể: tham gia các hội nông dân, hội phụ nữ, hợp tác xã tại địa phương	1 = có; 0 = không	+
X7	Thiên tai dịch bệnh: rủi ro do dịch bệnh, thiên tai do tự nhiên	1 = có; 0 = không	+
X8	Phương tiện sản xuất: có máy cày, máy cắt, máy bơm nước	1 = có; 0 = không	+
X9	Khoảng cách từ nhà đến chợ	km	-

Bảng 2. Mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu (n = 83, năm 2020)

Đặc điểm	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Tỉ lệ nam (%)	81,9			
Số thành viên trong gia đình (người)	4	1,5	2	9
Thời gian sống tại địa phương (số năm)	53	12	22	85
Trình độ học vấn (số năm học tập)	6	4	0	16
Có tham gia hội (%)	15,7			
Tỉ lệ có vay vốn (%)	25			
Diện tích (1.000m ²)	17,8	29	0	162
Có phương tiện sản xuất (%)	39,7			
Có ảnh hưởng thiên tai (%)	74,7			
Khoảng cách từ nhà đến chợ (km)	3,2	1,6	1	7

Khoảng cách từ nhà đến chợ trung bình 3,2km, có hộ gần chợ 1km nhưng cũng có hộ cách xa chợ 7km. Số chủ hộ dân tộc Khmer tham gia các Hội Nông dân, Hội Phụ nữ tương đối thấp chiếm 15,7% trong tổng 83 hộ điều tra. Tuy nhiên số hộ Khmer có tiếp cận vay vốn từ Chính phủ chiếm 25%. Ngoài ra, số chủ hộ tham gia vào bộ máy chính quyền của địa phương chiếm 15,7% các đặc điểm xã hội này cũng phù hợp với Tổng cục Thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2020 và một số nghiên cứu tại ĐBSCL (Nguyễn Thị Ngọc Diệu, 2015; Nguyễn Thùy Trang & cs., 2013).

Diện tích trung bình là 17,8 nghìn mét vuông, trong đó vẫn có chủ hộ không có diện tích đất canh tác và vẫn có chủ hộ có diện tích lớn nhất là 162 nghìn mét vuông. Số hộ có phương tiện sản xuất chiếm 39,7%. Số hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai hay dịch bệnh chiếm 74,7% điều này ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập của nông hộ. Số liệu này cũng phù hợp với Tổng cục Thống kê của tỉnh Kiên Giang và một số nghiên cứu vùng ĐBSCL (Đặng Thanh Sơn & Bùi Minh Tiết, 2019; Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trịnh, 2011; Võ Thành Khởi, 2015).

3.1.2. Đặc điểm thu nhập của nông hộ

Thu nhập bình quân trên hộ của dân tộc Khmer tại tỉnh Kiên Giang là 117,3 triệu đồng/năm. Tuy nhiên, thu nhập có sự chênh lệch rất lớn giữa các hộ (2-1.038 triệu đồng/năm), hộ có thu nhập thấp nhất là 2 triệu đồng/năm. Thu nhập bình quân trên người trong 1 năm của hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang là 30,5 triệu đồng/người/năm. Tuy nhiên, thu nhập có sự chênh lệch rất lớn giữa các hộ (0,4-260 triệu đồng/người/năm), hộ có thu nhập thấp nhất là 0,4 triệu đồng/người/năm thấp hơn nhiều so với thu nhập bình quân tại vùng nông thôn ĐBSCL là 36 triệu đồng/người/năm, (Bộ NN&PTNT, 2019). Về cơ cấu thu nhập của dân tộc Khmer tại tỉnh Kiên Giang thì hoạt động thu nhập chính là đến từ trồng trọt trong đó chiếm 47,3%, tiếp đến là lương 29,3%, hoạt động mua bán chiếm 14,1%, chăn nuôi chiếm 8% và cuối cùng là các hoạt động khác (chạy xe ôm, làm thuê nông nghiệp, từ người thân) chiếm 1,3%, kết quả điều tra này cũng giống như kết quả của Tổng cục Thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2019 và một số nghiên cứu khác tại các tỉnh ĐBSCL (Nguyễn Thị Ngọc Diệu, 2015; Trần Văn Kham & Nguyễn Văn Chiêu, 2016).

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer tại tỉnh Kiên Giang

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng thu nhập của hộ Khmer và xem xét mối liên hệ

tương quan giữa biến phụ thuộc Y = Thu nhập trung bình của nông hộ trên 1 năm và các biến độc lập ($X1$ = Thời gian sống tại địa phương; $X2$ = Học vấn; $X3$ = Số người trong hộ; $X4$ = Vay vốn; $X5$ = Diện tích đất canh tác; $X6$ = Tham gia đoàn thể; $X7$ = Thiên tai dịch bệnh; $X8$ = Phương tiện sản xuất; $X9$ = Khoảng cách từ nhà đến chợ). Kết quả ước lượng cho thấy, mô hình có ý nghĩa rất cao (1%) và chỉ ra các yếu tố có ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình, đồng thời R^2 hiệu chỉnh bằng 0,4313 có nghĩa là mô hình cũng đã giải thích được 43,13% ý nghĩa sự biến động của biến độc lập lên biến phụ thuộc. Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng thu nhập của hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang, đã sử dụng mô hình hồi qui tuyến tính bình phương bé nhất (OLS) để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chi phí của mô hình nuôi cua - tôm. Kết quả ước lượng trong mô hình có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, độ phóng đại phương sai (VIF) của các biến là 1,36 nhỏ hơn nhiều so với 10 cho thấy các biến đưa vào mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến (Mai Văn Nam, 2008). Đồng thời, kết quả kiểm định White cho thấy mô hình không bị phương sai sai số thay đổi và cuối cùng kiểm định RESET của Ramsay (1969) cho thấy Prob > F bằng 0,1124 lớn hơn 0,05 tức kiểm định không có ý nghĩa ở mức 5% vậy chúng ta sẽ kết luận là mô hình Y không bỏ sót các biến quan trọng (Bảng 4).

Bảng 3. Cơ cấu thu nhập của hộ dân tộc Khmer tại tỉnh Kiên Giang

(n = 83, năm 2020, triệu đồng/năm)

Thu nhập	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thấp nhất	Nhỏ nhất
Thu nhập/hộ	117,3	140	2	1.038
Thu nhập/người/năm	30,5	38,3	0,4	260
Cơ cấu thu nhập*				
Trồng trọt (%)	47,3			
Chăn nuôi (%)	8			
Mua bán (%)	14,1			
Lương (%)	29,3			
Khác (%)	1,3			

Ghi chú: *: Tổng thu nhập của 83 hộ Khmer là 9.733 triệu đồng; Thu nhập khác là từ các nghề nghiệp khác bao gồm nhiều nghề như chạy xe ôm, làm thuê nông nghiệp, từ người thân.

Bảng 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer tại Tỉnh Kiên Giang (n = 83, năm 2020)

Biến số	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn	Hệ số p > /t/
X1 = Thời gian sống tại địa phương	-0,002ns	0,008	0,773
X2 = Học vấn	0,106***	0,026	0,000
X3 = Số người trong hộ	0,115ns	0,075	0,128
X4 = Vay vốn	-0,313ns	0,0253	0,220
X5 = Diện tích đất canh tác	0,011***	0,004	0,009
X6 = Tham gia đoàn thể	0,366ns	0,333	0,276
X7 = Thiên tai dịch bệnh	-0,753***	0,274	0,008
X8 = Phương tiện sản xuất	0,537**	0,239	0,028
X9 = Khoảng cách từ nhà đến chợ	-0,465ns	0,0716	0,518
R ²		0,4937	
R ² hiệu chỉnh		0,4313	
Giá trị kiểm định mô hình		0,000	

Ghi chú: *, **, *** và ns mức ý nghĩa 10%, 5% và 1% và không ý nghĩa.

Từ bảng thống kê phân tích các hệ số hồi quy (Bảng 4) nghiên cứu tìm ra được 4 yếu tố tác động đến thu nhập của hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang. Trong đó yếu tố tác động cùng chiều lớn nhất là yếu tố phương tiện sản xuất có hệ số dương ở mức ý nghĩa 5%, phương tiện sản xuất ảnh hưởng cùng chiều đến thu nhập của hộ Khmer. Với hệ số $\beta = 0,537$ tức là khi nông hộ có phương tiện sản xuất thì thu nhập của hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang sẽ tăng lên 57,3%. Có nghĩa là khi nông hộ có phương tiện sản xuất thì thu nhập của nông hộ sẽ tăng lên và điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu của (Nguyễn Lan Duyên, 2014; Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trinh, 2011; Nguyễn Thị Ngọc Diệu, 2015). Tiếp theo là yếu tố học vấn có hệ số ước lượng dương, ở mức ý nghĩa 1%, cho thấy học vấn của của chủ hộ ảnh hưởng cùng chiều đến thu nhập. Với hệ số $\beta = 0,106$ tức là khi học vấn tăng lên 1 năm thì thu nhập của hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang sẽ tăng lên 10,6%. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của (Nguyễn Lan Duyên, 2014; Trần Thanh Dũng & Nguyễn Ngọc Độ, 2016; Yang, 2004). Có nghĩa là khi học vấn càng cao thì thu nhập của nông hộ càng cao. Và cuối cùng tác động thấp nhất là yếu tố diện tích đất canh tác có hệ số dương ở mức ý nghĩa 1%, diện tích đất ảnh hưởng cùng chiều đến thu

nhập của hộ Khmer. Với hệ số $\beta = 0,011$ tức là khi diện tích tăng lên 1.000m² thì thu nhập của hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang sẽ tăng lên 1,1%. Có nghĩa là khi diện tích càng lớn thì thu nhập của nông hộ càng cao và điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu của (Nguyễn Lan Duyên, 2014; Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trinh, 2011; Nguyễn Thị Ngọc Diệu, 2015).

Ngoài ra yếu tố thiên tai, dịch bệnh có hệ số ước lượng âm cho thấy ảnh hưởng ngược chiều của đến thu nhập của nông hộ. Ở mức ý nghĩa 1% với hệ số $\beta = -0,753$ tức là khi có thiên tai hay dịch bệnh xảy ra thì thu nhập của nông hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang sẽ giảm xuống 75,3%. Có nghĩa là khi thiên tai càng nhiều thì thu nhập của nông hộ càng giảm và điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của (Phạm Duy Khánh & Huỳnh Trường Huy, 2021; Võ Thành Khởi, 2015; Yang, 2004; Yu & Zhu, 2013). Ngoài ra các biến (thời gian sống tại địa phương; số người trong hộ; vay vốn; tham gia đoàn thể; khoảng cách từ nhà đến chợ) có hệ số p > /t/ lớn hơn 10% nên không có ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, trong thực tế các nghiên cứu khác chỉ ra các biến này có tác động đến thu nhập. Chính vì vậy, cần có nghiên cứu thêm với số lượng cỡ mẫu lớn hơn để tìm ra tác động của các biến này.

4. KẾT LUẬN

Các yếu tố về kinh tế, xã hội của hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang như sau: Thời gian sống tại địa phương trung bình của chủ hộ là 53 năm; trình độ học vấn trung bình là lớp 7, số thành viên trong gia đình trung bình là 4 người, diện tích trung bình là 17,8 nghìn mét vuông, thu nhập bình quân là 117,3 triệu đồng/năm. Ngoài ra, các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang như: *học vấn; diện tích đất canh tác; phương tiện sản xuất; thiên tai - dịch bệnh* có ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ Khmer tại tỉnh Kiên Giang. Trong đó diện tích đất canh tác, phương tiện sản xuất và trình độ học vấn của chủ hộ ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của nông hộ, còn thiên tai thì ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập của nông hộ. Ngoài ra, *thời gian sống tại địa phương; số người trong hộ; vay vốn; tham gia đoàn thể; khoảng cách từ nhà đến chợ* không có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer tỉnh Kiên Giang.

Nhà nước cần phát triển hệ thống trường lớp ở nông thôn với nhiều hình thức có chính sách hỗ trợ, khuyến khích hộ Khmer đến học để nâng cao trình độ. Cần tạo việc làm cho họ thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, chú trọng những sản phẩm có giá trị cao và có tiềm năng xuất khẩu; Tạo điều kiện khôi phục và phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống ở nông thôn, phát triển các doanh nghiệp; Thực hiện đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập, canh tác theo vụ mùa khuyến cáo của Trung tâm Khuyến nông và thường xuyên theo dõi cập nhật tin tức với mục đích có biện pháp phòng tránh thiên tai do thời tiết và dịch bệnh trên người, gia súc và cây trồng.

Từ kết quả nghiên cứu và thực tế ở tỉnh Kiên Giang, nghiên cứu có một số khuyến nghị nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ như sau:

Giải pháp về tăng nguồn lực: Trình độ học vấn của chủ hộ và lao động trong hộ dân tộc có tác động mạnh đến thu nhập của hộ, chính vì thế phải nâng cao trình độ học vấn để góp phần tăng thu nhập cho hộ dân tộc, để thực hiện được việc này Nhà nước cần phát triển hệ thống

trường lớp ở nông thôn với nhiều hình thức (thường xuyên, không thường xuyên, ngắn hạn,...) và có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các thành viên trẻ trong hộ học tập nâng cao trình độ. Vận động người dân tộc tham gia phổ cập giáo dục nâng cao trình độ tri thức, thành lập các câu lạc bộ đọc sách, xây dựng thư viện, mở lớp giáo dục thường xuyên bồi dưỡng trình độ văn hóa cho người dân tộc, đặc biệt chú trọng đối tượng người Khmer nghèo; huy động tối đa trẻ em người Khmer trong độ tuổi được đi học ở tất cả các bậc học, hạn chế tình trạng bỏ học của học sinh Khmer trong độ tuổi trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tạo điều kiện để tổ hợp tác, hợp tác xã đổi mới nội dung hoạt động, mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh. Xây dựng các khu chợ nông thôn tiểu vùng sản xuất nông sản tập trung. Đồng thời, nhà nước cần hỗ trợ các tổ chức tín dụng có sự tham gia của hộ Khmer để mua phương tiện sản xuất giúp tăng thu nhập.

Giải pháp về hoạt động tạo thu nhập: Yếu tố đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập sẽ làm tăng thu nhập cho người dân tộc. Vì thế, để tăng thu nhập người Khmer cần đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập, để thực hiện được vấn đề này, cần phải có sự chung tay của người dân tộc và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương: Chính quyền địa phương cần tổ chức tập huấn riêng cho người dân tộc, đồng thời có chính sách hỗ trợ phát triển các cơ sở sản xuất, tổ chức kinh tế hợp tác, doanh nghiệp, chủ trang trại, tạo điều kiện cho các đơn vị này tạo thêm ngành nghề, việc làm cho người dân tộc. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng đối với các đơn vị có sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số.

Giải pháp giảm thiểu tác động của thiên tai đến nông nghiệp: Nông hộ dân tộc Khmer cần thực hiện canh tác theo vụ mùa khuyến cáo của Trung tâm Khuyến nông, thường xuyên theo dõi cập nhật tin tức với mục đích có biện pháp phòng tránh các thiên tai do thời tiết và dịch bệnh trên người. Nông hộ nên tham gia mua bảo hiểm để đảm bảo khi có rủi ro thì có công ty bảo hiểm hỗ trợ. Chính quyền địa phương nên thực hiện dự báo, khuyến cáo về dịch bệnh và thiên tai kịp thời. Tích cực tuyên truyền vận động nông hộ tham gia bảo hiểm để giảm rủi ro.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abdulai A. & CroleRees A. (2001). Determinants of income diversification amongst rural households in Southern Mali. *Food Policy*. 26(4). 437-452.
- Bộ NN&PTNT (2019). Số liệu tổng hợp các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Truy cập từ <https://www.mard.gov.vn/Pages/default.aspx> ngày 03/02/2022.
- Đặng Thanh Sơn & Bùi Minh Tiết (2019). Tình hình sử dụng vốn vay của nông hộ tại tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*. tr. 07-11.
- Đinh Phi Hồ & Hoàng Thị Thu Huyền (2021). Một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ vùng Trung du ở tỉnh Phú Thọ. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*. tr. 26-30.
- Ellis F. (1998). Household strategies and rural livelihood diversification. *The journal of development studies*. 35(1): 1-38.
- Ellis F. (2000). *Rural livelihoods and diversity in developing countries*. Oxford university press.
- Hoàng Thị Hồng Quế & Trần Nam Thắng (2020). Đa dạng sinh kế và thu nhập của nông hộ vùng trồng keo ở miền núi Tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*. 129(3B): 55-68.
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 1 và 2). Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
- Huỳnh Trường Huy & Lê Tấn Nghiêm (2008). Thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nhà xuất bản Giáo dục. tr. 169-184.
- Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam (2011). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ chăn nuôi gia cầm ở Đồng bằng Sông Cửu long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 17b: 87-96.
- Lâm Văn Siêng (2021). Những yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân trồng lúa tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*. 64(4): 66-78.
- Lê Khương Ninh (2011). Giải pháp hạn chế tín dụng phi chính thức ở nông thôn. *Tạp chí Ngân hàng*. 5: 52-57.
- Manjunatha A., Anik A.R., Speelman S. & Nuppenau E. (2013). Impact of land fragmentation, farm size, land ownership and crop diversity on profit and efficiency of irrigated farms in India. *Land use policy*. 31: 397-405.
- Nguyễn Lan Duyên (2014). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học An Giang*. 3(2): 63-69.
- Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trinh (2011). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở Bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 18a: 240-250.
- Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trinh (2011). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. tr. 240-250.
- Nguyễn Quốc Nghi, Trần Quế Anh & Bùi Văn Trinh (2011). Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh*. 6(3): 66-72.
- Nguyễn Thị Ngọc Diệu (2015). Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của đồng bào dân tộc Khmer huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh. Luận văn Thạc sỹ kinh tế học. Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thùy Trang, Nguyễn Phú Sơn & Võ Hồng Tú (2013). Vai trò phụ nữ cộng đồng dân tộc Khmer trong phát triển kinh tế hộ ở khu vực nông thôn đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. tr. 15-21.
- Phạm Duy Khánh & Huỳnh Trường Huy (2021). Phân tích sự đóng góp của vốn nhân lực đến thu nhập và chênh lệch thu nhập theo yếu tố dân tộc tại đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh châu Á*. 32(8).
- Tổng cục Thống kê (2020). Số liệu thống kê dân số và lao động năm 2019. Nhà xuất bản Thống kê.
- Trần Tiến Khai & Nguyễn Ngọc Danh (2020). Những yếu tố quyết định đa dạng hóa thu nhập và ảnh hưởng đối với thu nhập hộ gia đình nông thôn Việt Nam. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*. tr. 22-43.
- Trần Thanh Dũng & Nguyễn Ngọc Đệ (2016). Sinh kế của thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 44: 106-113.
- Trần Văn Kham & Nguyễn Văn Chiêu (2016). Nghiên cứu về thực trạng đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số tại đô thị và khu công nghiệp: nhìn từ khía cạnh việc làm và thu nhập. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. 11(12).
- Võ Thành Khởi (2015). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre. *Tạp chí Khoa học Đại học Trà Vinh*. 18: 59-65.
- Yang D.T. (2004). Education and allocative efficiency: household income growth during rural reforms in China. *Journal of Development Economics*. 74(1): 137-162.
- Yu J. & Zhu G. (2013). How uncertain is household income in China. *Economics Letters*. 120(1): 74-78.